

Số: 05/2018/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 6 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND, ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long Ban hành Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP, ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT, ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Thực hiện Công văn số 02/HĐND-TH, ngày 15 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phúc **đ**áp Tờ trình số 237/TTr-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua giá đất để UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 599/TTr-STNMT, ngày 26/02/2018,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND, ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long (gọi tắt là Quyết định số 27) như sau:**

1. Bổ sung Khoản 4 tại Điều 2 của Quyết định số 27 như sau:

“4. Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm.”

2. Bổ sung cụm từ “đất phi nông nghiệp do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng” sau cụm từ “mục đích kinh doanh” trước cụm từ “đất nghĩa trang” tại Khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND.

3. Bổ sung quy định tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND với các nội dung sau:

a) Bổ sung Khoản 8 phần II của các Phụ lục I, II và III như sau:

“8. Đối với thửa đất có nhiều vị trí trùng nhau do tiếp giáp với nhiều trục đường giao thông thủy, bộ (tức là một thửa đất có 2, 3, 4.. mặt tiền) thì giá đất được xác định theo vị trí có giá đất cao nhất.”

b) Thay đổi cụm từ “Đất trồng cây hàng năm” thành cụm từ “Đất trồng cây lâu năm” trước cụm từ “còn lại của các xã” trong gạch đầu dòng thứ 2 của Khoản 6, phần II, phụ lục II.

c) Thay đổi cụm từ “Đất trồng cây hàng năm” thành cụm từ “Đất nuôi trồng thủy sản” trước cụm từ “còn lại của các xã” trong gạch đầu dòng thứ 2 của Khoản 6, phần II, Phụ lục III.

d) Bổ sung cụm từ “và sông Pang Tra” sau cụm từ “sông Hậu” trong gạch đầu dòng thứ 2 và 3 của Khoản 4, phần II và gạch đầu dòng thứ 2 của Khoản 5, phần II của các Phụ lục I, II và III.

đ) Bổ sung giá đất trồng cây hàng năm vị trí 5 của xã Hòa Tịnh thuộc huyện Mang Thít tại Khoản 3, phần III, Phụ lục I như sau:

- Điểm 3.8: xã Hòa Tịnh: 65.000 đồng/m<sup>2</sup>

e) Bổ sung giá đất trồng cây lâu năm vị trí 5 của 4 xã cù lao An Bình, Bình Hòa Phước, Hòa Ninh, Đồng Phú thuộc huyện Long Hồ tại Khoản 2 và xã Hòa Tịnh thuộc huyện Mang Thít tại Khoản 3, phần III, Phụ lục II như sau:

- Điểm 2.2: xã An Bình: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.3: xã Bình Hòa Phước: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.4: xã Hòa Ninh: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.5: xã Đồng Phú: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 3.8: xã Hòa Tịnh: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

f) Bổ sung giá đất nuôi trồng thủy sản vị trí 5 của 4 xã cù lao An Bình, Bình Hòa Phước, Hòa Ninh, Đồng Phú thuộc huyện Long Hồ tại Khoản 2 và xã Hòa Tịnh thuộc huyện Mang Thít tại Khoản 3, phần III, Phụ lục III như sau:

- Điểm 2.2: xã An Bình: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.3: xã Bình Hòa Phước: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.4: xã Hòa Ninh: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 2.5: xã Đồng Phú: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Điểm 3.8: xã Hòa Tịnh: 80.000 đồng/m<sup>2</sup>

4. Sửa đổi quy định tại các Phụ lục IV, V, VI, VII, VIII và IX kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND với các nội dung sau:

a) Sửa đổi Khoản 3 phần II của Phụ lục IV, V và VI như sau:

“3. Đối với thửa đất có nhiều vị trí trùng nhau do tiếp giáp với nhiều trục đường giao thông thủy, bộ (tức là một thửa đất có 2, 3, 4.. mặt tiền) thì giá đất được xác định theo vị trí có giá đất cao nhất.”

b) Sửa đổi Khoản 10 phần II của Phụ lục VII, VIII và IX như sau:

“10. Đối với thửa đất có nhiều vị trí trùng nhau do tiếp giáp với nhiều trục đường giao thông thủy, bộ (tức là một thửa đất có 2, 3, 4.. mặt tiền) thì giá đất được xác định theo vị trí có giá đất cao nhất.”

c) Bổ sung cụm từ “, thị xã” sau cụm từ “các xã thuộc huyện” trong điểm d) Khoản 1, phần III của các Phụ lục VI.

5. Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại nông thôn trong các Mục 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 phần III phụ lục IV (*kèm theo phụ lục IV*)

6. Sửa đổi, bổ sung giá đất thương mại dịch vụ tại nông thôn trong các Mục 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 phần III phụ lục V (*kèm theo phụ lục V*)

7. Sửa đổi, bổ sung giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn trong các Mục 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 phần III phụ lục VI (*kèm theo phụ lục VI*)

8. Sửa đổi, bổ sung quy định trong các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 phần II của Phụ lục VII với các nội dung sau:

a) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 2, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 3, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc các phường thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 - 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

c) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 4, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m thuộc đoạn trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất ở còn lại của các phường 520.000 đồng/m<sup>2</sup>. ”

d) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 5, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m được tính từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

đ) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 6, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 – 3m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất ở còn lại của các phường 520.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

e) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 7, phần II của Phụ lục VII như sau:

“- Đất thuộc khu vực các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250 m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất ở còn lại của các phường 520.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

f) Sửa đổi Khoản 8, phần II của Phụ lục VII như sau:

**“8. Vị trí còn lại:** Áp dụng cho thửa đất:

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường còn lại của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 3.100.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường còn lại của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 3.100.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất ở còn lại thuộc thị trấn của các huyện và đất ở còn lại thuộc các phường của thành phố Vĩnh Long và các phường của thị xã Bình Minh. ”

9. Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại đô thị trong các Mục 1, 3, 5, 7 phần III, Phụ lục VII (kèm theo phụ lục VII)

10. Sửa đổi, bổ sung quy định trong các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 phần II của phụ lục VIII với các nội dung sau:

a) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 2, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 3, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc các phường thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 - 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>..”

c) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 4, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m thuộc đoạn trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

d) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 5, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m được tính từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

đ) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 6, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 - 3m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

e) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 7, phần II của Phụ lục VIII như sau:

“- Đất thuộc khu vực các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

f) Sửa đổi Khoản 8, phần II của Phụ lục VIII như sau:

**“8. Vị trí còn lại: Áp dụng cho thửa đất:**

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường còn lại của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 2.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 3.100.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại thuộc thị trấn của các huyện và các phường của thành phố Vĩnh Long và các phường của thị xã Bình Minh.”

11. Sửa đổi, bổ sung giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trong các Mục 1, 3, 5, 7 phần III của Phụ lục VIII (kèm theo phụ lục VIII)

12. Sửa đổi, bổ sung quy định trong các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 phần II của phụ lục IX với các nội dung sau:

a) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 2, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150 m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư trong Khoản 3, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc các phường thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 - 3m và được tính theo chiều sâu từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

c) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 4, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) trên 3m thuộc đoạn trên 150 m đến 250 m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

d) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 5, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m được tính từ đầu hẻm đến 150m đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup>.”

đ) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 6, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) từ 2 - 3m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

e) Bổ sung gạch đầu dòng thứ ba trong Khoản 7, phần II của Phụ lục IX như sau:

“- Đất thuộc khu vực các phường của thị xã Bình Minh: Áp dụng cho thửa đất nằm trong hẻm có chiều rộng (đầu hẻm) nhỏ hơn 2m thuộc đoạn từ trên 150m đến 250m của hẻm đối với những đường phố có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng không thấp hơn giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ còn lại của các phường.”

f) Sửa đổi Khoản 8, phần II của Phụ lục IX như sau:

**“8. Vị trí còn lại: Áp dụng cho thửa đất:**

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc phường 1 của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 4.500.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường còn lại của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 3.100.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền nhỏ hơn hoặc bằng 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thị xã Bình Minh có giá đất mặt tiền trên 1.800.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất nằm trong hẻm thuộc các phường của thành phố Vĩnh Long có giá đất mặt tiền trên 3.100.000 đồng/m<sup>2</sup> thuộc đoạn trên 250m theo chiều sâu tính từ đầu hẻm (không phân biệt chiều rộng hẻm).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại thuộc thị trấn của các huyện và các phường của thành phố Vĩnh Long và các phường của thị xã Bình Minh.”

13. Sửa đổi, bổ sung giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trong các Mục 1, 3, 5, 7 phần III Phụ lục IX (*kèm theo phụ lục IX*)

14. Bãi bỏ quy định giá đất ở tại đô thị, đất thương mại dịch vụ tại đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trong các phụ lục VII, VIII và IX như sau:

a) Giá đất thuộc vị trí 2 và vị trí 3 trong điểm 3.1 mục 3 phần III của Phụ lục VII, VIII và IX.

b) Giá đất tại thứ tự 6 và 7 điểm 5.1 mục 5 phần III của Phụ lục VII, VIII và IX

c) Giá đất tại thứ tự 14 và 15 điểm 7.1 và thứ tự 2 điểm 7.2 mục 7 phần III của Phụ lục VII, VIII và IX.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.**

1. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các ngành có liên quan triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này thống nhất trên địa bàn tỉnh; tổ chức theo dõi thường xuyên biến động về giá đất, xây dựng báo cáo, đề công bố chỉ số biến động giá đất thị trường; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá đất trong các trường hợp quy định tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất và Thông tư 36/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

2. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018./.

### ***Nơi nhận:***

- Như điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.TU và HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và PCT. UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- Tòa án ND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- BLĐ. VP.UBND tỉnh (để theo dõi);
- Báo Vĩnh Long (đăng báo);
- Các Phòng Nghiên cứu-thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, 4.08.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Nguyễn Văn Quang**